CHUYÊN MỤC

MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

TRUYỀN THÔNG PHÁT TRIỂN CÓ SỰ THAM GIA VÀ HOẠT ĐỘNG THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN NGỌC DIỄM

Bài viết giới thiệu các luận điểm lý thuyết về truyền thông phát triển có sự tham gia. Đồng thời, thông qua nguồn dữ liệu sơ cấp từ Đề tài cấp Bộ 2013-2014 Nghiên cứu mô hình truyền thông dựa vào các nhóm công chúng thích ứng biến đổi khí hậu ở ven biển Đồng bằng sông Cửu Long *(Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ) và một số dữ liệu thứ cấp, để đánh giá thực trạng biến đổi khí hậu cũng như truyền thông biến đổi khí hậu ở trong vùng, qua đó cho thấy sự cần thiết của mô hình truyền thông phát triển có sự tham gia trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu hiện nay.*

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích khoảng 41.000km^2 (gần 12,3% diện tích của cả nước), gồm 13 tỉnh thành, đóng góp hơn 50% tổng sản lượng lương thực, trong đó sản lượng gạo xuất khẩu chiếm hơn 90% tổng sản lượng gạo xuất khẩu của cả nước. Đây cũng là vùng cung cấp 70% sản lượng trái cây, 52% sản lượng thủy sản và 60% kim ngạch xuất khẩu của ngành thủy sản cả nước. Trong năm 2013, kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long đạt mức tăng trưởng gần 9,1%, thu nhập bình quân đầu người 34,61 triệu đồng/người/năm (K.V, 2014).

Trong 13 tỉnh thành của Đồng bằng sông Cửu Long có 8 tỉnh giáp biển(1), với tổng chiều dài bờ biển khoảng 600km (chưa bao gồm các hải đảo) (Ngô Lực Tải, 2011), có hệ thống sông ngòi chằng chịt bao phủ khắp vùng. Vì vậy, Đồng bằng sông Cửu Long không chỉ có lợi thế về sản xuất

Nguyễn Ngọc Diễm. Thạc sĩ. Trung tâm Nghiên cứu Môi trường. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

nông nghiệp, mà còn có lợi thế về nuôi trồng thủy, hải sản.

Tuy có những lợi thế đặc thù, Đồng bằng sông Cửu Long đang đối diện với một thách thức lớn, đó là các tác động của biến đổi khí hậu. Theo đánh giá của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP), Việt Nam nằm trong nhóm 5 nước đứng đầu thế giới dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu, trong đó, Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có khả năng chịu ảnh hưởng nặng nhất. Hầu hết các chương trình, dự án nghiên cứu, các diễn đàn, báo chí hiện nay đều có quan điểm chung là phải tìm cách thích ứng với biến đổi khí hậu. Giải pháp chủ yếu được đề xuất là tăng cường nhận thức và thay đổi hành vi của con người. Các cách thức được áp dụng chủ yếu xoay quanh hoạt động thông tin và tuyên truyền, kể cả trong khi thực hiện các chương trình, dự án quy hoạch, cải thiện hiện trạng, cung cấp trang thiết bị, hay hoạch định chính sách hỗ trợ.

Tuy nhiên, không phải chủ thể xã hội nào cũng nắm được các thông tin về biến đổi khí hậu, cũng như các nguy cơ, hiểm họa mà biến đổi khí hậu có thể mang đến. Trong khi đó, các loại thông tin này rất cần thiết để giúp cho các chủ thể xã hội – từ cấp chính quyền, quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, đến cộng đồng dân cư, đặc biệt là các nhóm dễ tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu (như các hộ gia đình nghèo, gia đình neo đơn, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ…). Do đó, để các thông tin về biến đổi khí hậu và các cách thức thích ứng được truyền tải đi có sự tương tác với các chủ thể, cần thiết phải có các chiến lược truyền thông tốt.

Năm 2013 - 2014, khi thực hiện đề tài cấp Bộ *Nghiên cứu mô hình truyền thông dựa vào các nhóm công chúng thích ứng biến đổi khí hậu ở ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (Nghiên cứu so sánh trường hợp xã Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau),* trong quá trình tìm kiếm cơ sở lý luận cho mô hình truyền thông dựa vào các nhóm công chúng, nhóm nghiên cứu đã nhận thấy rằng truyền thông phát triển có sự tham gia (*participatory development communication)* là mô hình truyền thông phù hợp và cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung để áp dụng cho hoạt động truyền thông thích ứng biến đổi khí hậu của vùng.

1. LÝ THUYẾT TRUYỀN THÔNG PHÁT TRIỂN CÓ SỰ THAM GIA

Truyền thông đóng vai trò quan trọng trong hầu hết các hoạt động xã hội hiện nay. Trong các chương trình, dự án phát triển, truyền thông được xem là công cụ không thể thiếu để tác động lên các chính sách cũng như duy trì tính bền vững của các chương trình, dự án thực hiện các chính sách. Tuy nhiên, truyền thông truyền thống mang tính một chiều từ trên xuống (top-down) đang dần bộc lộ những hạn chế, do không đáp ứng được xu thế đa chiều, đa dạng của các bên tham gia các chương trình, dự án, hoạt động, tính phân quyền và dân

chủ xã hội, vai trò tham gia của đối tượng truyền thông… Truyền thông mới đòi hỏi không chỉ thể hiện tính đa chiều, mà chú trọng hơn chiều từ dưới lên (down-top), trong đó quyền quyết định nội dung, phương thức truyền đạt là thuộc về cộng đồng địa phương, có sự thảo luận giữa các cá nhân trong cộng đồng, cũng như tính phản biện trở lại đối với bên cung cấp thông tin.

Truyền thông phát triển có sự tham gia được hiểu là phương pháp truyền thông có sự kết hợp giữa truyền thông đại chúng với truyền thông truyền thống, liên cá nhân, nhằm khuyến khích sự tham gia chủ động của cộng đồng dựa trên nhu cầu và kỳ vọng về giải pháp cho các vấn đề của chính cộng đồng.

Quan điểm về truyền thông phát triển có sự tham gia bắt đầu xuất hiện từ cuối những năm 1970 cùng với sự ra đời của quan điểm về phát triển bền vững và mang ý nghĩa là "sự tích hợp các thông tin chiến lược trong dự án phát triển" (World Bank, 2004). Nhiệm vụ của truyền thông lúc này không chỉ dừng lại ở vai trò phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người nhận, mà còn cố gắng lôi kéo sự tham gia của đối tượng truyền thông, điều mà mô hình truyền thống trước đó không tính đến. Lý lẽ chính cho quan điểm truyền thông phát triển có sự tham gia chủ yếu xoay quanh các vấn đề: mục tiêu của truyền thông là gì, làm thế nào để phát triển bền vững, ai là đối tượng được hưởng lợi,… Từ đó, vai trò của đối tượng truyền thông càng được đề cao, và yếu tố bền vững nằm ở chính họ, vì nội dung truyền thông đáp ứng được nhu cầu và phục vụ hiệu quả hoạt động thực tiễn của họ. Sự tham gia của cộng đồng và phân quyền là hai chiến lược cơ bản của truyền thông phát triển (Genilo, 2006). Tuy nhiên, đến những năm 1980, quan điểm truyền thông phát triển có sự tham gia cũng chưa thể phát huy do yếu tố phân quyền chưa được làm rõ, nhiều quan điểm lý thuyết mơ hồ đưa đến sự khó hiểu trong quá trình thực hiện. Truyền thông cơ bản vẫn theo hướng truyền thống – mang tính một chiều, và thông tin chủ yếu vẫn được quyết định bởi những người nắm quyền lực.

Đến những năm 1990, mô hình truyền thông phát triển dựa trên đối thoại, tiếp cận theo chiều ngang, được chia sẻ bình đẳng giữa các bên tham gia, trong đó quyền sở hữu thuộc về cộng đồng địa phương - cộng đồng được trao quyền góp phần thay đổi xã hội thay vì là các cá nhân thụ động trong tiếp cận thông tin. Với sự thay đổi này, một số chương trình truyền thông cộng đồng đã đạt được thành công nhất định. Hai yếu tố chính trong quan điểm truyền thông phát triển là: (1) cần dựa trên một mô hình truyền thông mà nó phác họa quá trình đối thoại, chia sẻ thông tin, sự hiểu biết và đồng thuận với nhau, cũng như các hành động chung; và (2) cần có một mô hình thay đổi xã hội dựa trên việc đối thoại cộng đồng và hành động chung mà nó có thể chỉ rõ những kết

quả về mặt xã hội lẫn cá nhân (Figueroa và cộng sự, 2002, tr. 3).

Morris (2005) cho rằng truyền thông phát triển bị chi phối bởi 2 mô hình khuếch tán và có sự tham gia. Trong đó, mô hình khuếch tán thực hiện chuyển tải thông tin để thay đổi hành vi qua phương tiện truyền thông đại chúng; còn mô hình có sự tham gia tập trung vào sự tham gia của cộng đồng và đối thoại thúc đẩy việc trao quyền cho cá nhân và cộng đồng. Về hình thức, mô hình khuếch tán có vẻ đối lập với mô hình tham gia, nhưng trong quá trình thực hiện, hai mô hình này vẫn có thể bổ sung cho nhau, trong đó truyền thông đại chúng đóng vai trò cung cấp thông tin, còn truyền thông có sự tham gia thực hiện vai trò thảo luận, đánh giá và phản biện.

Ngoài ra, còn có mô hình truyền thông hội tụ được phát triển bởi Rogers và Kincaid (1981) có thể xem xét trong công tác truyền thông tại cộng đồng. Đôi khi các nhóm và cộng đồng không có tiếng nói chung và các mối quan hệ quyền lực có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình truyền thông, khi đó đàm phán là phương tiện thứ ba để giúp khắc phục sự phản đối và xung đột. Ít nhất trong giai đoạn đầu, truyền thông trong cộng đồng cần xác định khu vực/lĩnh vực có sự thỏa thuận và bất đồng của người tham gia. Trên cơ sở đó, quá trình truyền thông sẽ tiếp tục được tiến hành nhằm giảm mức độ đa dạng, đưa đến sự đồng thuận nhất định cho các hành động chung.

Hiện nay, mô hình truyền thông phát triển có sự tham gia còn khá nhiều tranh cãi và có những cách tiếp cận khác nhau. Singhal (2001, tr. 12) cho rằng truyền thông có sự tham gia do sự tham gia (của đối tượng truyền thông) sẽ quyết định nội dung truyền thông. Theo Singhal thì "không có sự tham gia nào mà không bao gồm truyền thông"[(2)]. Đồng thời, ông cũng tổng hợp một số thuộc tính của các mô hình truyền thông có sự tham gia từ các nghiên cứu khác, như: (1) khởi đầu bằng sự tin tưởng vào tiềm năng của người tham gia, mọi người đều có quyền và nghĩa vụ trong việc ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định và hiểu được các kết quả; (2) công nhận, hiểu rõ và đề cao sự đa dạng về thành phần và số lượng người dân; (3) chú trọng cộng đồng địa phương hơn là các nhà cầm quyền, đối thoại hơn là độc thoại, và giải phóng thay vì để mặc; (4) nhấn mạnh việc củng cố tiến trình dân chủ và các thể chế ở cấp độ cộng đồng, cũng như có sự tái phân bổ quyền lực; (5) thừa nhận sự tham gia đích thực sẽ không mang lại lợi ích cho tất cả mọi người, đặc biệt là những người muốn bảo vệ vị trí đặc quyền của họ; và (6) công nhận rằng các chương trình có sự tham gia không dễ dàng thực hiện hoặc nhân rộng, cũng khó dự đoán hoặc kiểm soát dễ dàng.

Ascroft và Masilela (1994) cho rằng sự tham gia có thể được hiểu là các cá nhân chủ động tham gia vào các tiến trình và chương trình phát triển thông qua việc đóng góp ý kiến, xác

định các nhu cầu cũng như các vấn đề bức thiết và hiển nhiên của họ, đồng thời khẳng định quyền tự quản của họ. Trên ý nghĩa đó thì truyền thông phát triển có sự tham gia đặt trọng tâm vào quá trình lập kế hoạch, sử dụng các nguồn, kênh, cách tiếp cận và các chiến lược truyền thông trong các chương trình nhằm mang lại sự tiến bộ, thay đổi hay phát triển, trong đó có có sự tham gia của các cá nhân hay cộng đồng địa phương (dẫn theo Boafo, 2006, tr. 42). Còn Whyte (1986) cho rằng sự tham gia của cộng đồng vừa là một quá trình, vừa là cách thức đo lường những gì mà cộng đồng làm được cho chính họ, dựa trên quan điểm họ tự quản chính cuộc sống, môi trường của mình bằng nỗ lực tự thân và trao quyền cho những thành viên gặp nhiều bất lợi nhất trong cộng đồng (dẫn theo Cohen, 1996, tr. 223). Với ý nghĩa đã phân tích, sự tham gia của cộng đồng được xem như “một tiêu chuẩn cốt lõi” (a vital criterion) của truyền thông phát triển (Rahim, 1994, tr. 127).

Còn nghiên cứu của Rose và cộng sự tại Vương quốc Anh (2005) cho thấy rằng các nhóm xã hội khác nhau có nhu cầu và mối quan tâm khác nhau, thậm chí có những nhóm có nhu cầu, mối quan tâm giống nhau nhưng có thể có các cách giải quyết khác nhau do những điều kiện nhất định. Do đó, các mô hình truyền thông cần được thực hiện thận trọng tùy thái độ, động cơ và hành vi của các cá nhân và các nhóm xã hội khác nhau. Theo đó, sự tham gia của cộng đồng là nhằm bảo đảm các nội dung và phương thức truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể.

Với quan điểm cho rằng biến đổi khí hậu là thách thức quan trọng và truyền thông là yếu tố cần thiết trong việc đáp lại thách thức này, nhiều chương trình, dự án nghiên cứu và các hội nghị liên quan đến chủ đề truyền thông thích ứng biến đổi khí hậu cũng đã được triển khai. Trong đó, truyền thông được xem là cách thức quan trọng nhằm xác định vấn đề, khuyến khích sự tham gia, kêu gọi đề xuất giải pháp, tăng cường tính thích nghi và giúp giảm nhẹ các hệ quả do biến đổi khí hậu gây ra. *Hội thảo truyền thông biến đổi khí hậu* (tổ chức vào tháng 6/2000 tại Canada) đã nhấn mạnh vai trò của truyền thông biến đổi khí hậu với nhiều mô hình, cách thức khác nhau, và với sự tham gia đa dạng của nhiều nhóm/tổ chức xã hội như nhà nước, các tổ chức xã hội dân sự, tổ chức truyền thông đại chúng… Nhiều bài nghiên cứu tại Hội thảo cũng chỉ ra rằng các chiến lược truyền thông là những yếu tố quan trọng trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, truyền thông biến đổi khí hậu vừa có những cơ hội vừa có các thách thức. Theo đó, nhiều hướng dẫn đã được các tác giả đề xuất(3), nhấn mạnh đến các yếu tố như: sự trung thực, tính phù hợp, tính đối thoại và sự tham gia của đối tượng truyền thông.

Tương tự, Trung tâm Nghiên cứu Quyết sách môi trường (Center for Research on Environmental Decisions

– CRED, 2009) cũng đưa ra các nguyên tắc truyền thông cho hoạt động bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu(4). Các nguyên tắc này đề cập đến việc tạo môi trường tham gia dễ dàng và thân thiện cho cộng đồng, khuyến khích cộng đồng tham gia, bảo đảm thông tin truyền thông được chính xác và thiết thực, truyền thông phải nhằm mục tiêu thay đổi hành vi.

Dù được cải tiến theo xu thế phát triển, nhấn mạnh đến vai trò tham gia của cộng đồng và xây dựng được các nguyên tắc, thì truyền thông phát triển có sự tham gia nhìn chung chưa phải là mô hình hoàn hảo. Bởi trong mô hình này, cộng đồng, hay đối tượng khán giả, chỉ dừng lại ở vai trò là nhóm tham gia và theo nguyên tắc phân quyền(5). Tính dân chủ, chủ động chưa thể phát huy đầy đủ, do đó nó cũng chỉ là mô hình một chiều mang tính tiến bộ mà thôi. Để đảm bảo rằng truyền thông cộng đồng là của chính cộng đồng, do cộng đồng chủ động và quyết định các nội dung, phương thức phù hợp, thì về mặt chính trị, những người lãnh đạo cộng đồng được phân quyền tổ chức và bảo đảm nguyên tắc dân chủ; còn về xã hội, phải để do chính cộng đồng làm chủ, còn nhà nước chỉ đóng vai trò tham gia, hỗ trợ.

2. TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.1 Theo Kịch bản biến đổi khí hậu của Việt Nam (kịch bản phát thải trung bình), đến năm 2020, nhiệt độ trung bình của khu vực Nam Bộ tăng $0,4^0C$ (mùa nóng có thể tăng đến $0,5^0C$); còn lượng mưa có thời điểm tăng 2,6% (tháng 9 đến tháng 11), nhưng có thời điểm giảm 3% (tháng 12 đến tháng 2 của năm tiếp theo) so với thời kỳ 1980 - 1999. Đồng bằng sông Cửu Long do đặc thù đồng bằng thấp trũng và có đường biên giáp biển lớn (67% đất đai có độ cao không quá 1m so với mực nước biển; trong đó có tới 27% diện tích có độ cao trên mực nước biển không quá 0,5m) (Nguyễn Thành Vinh và Nguyễn Hữu Tới, 2010), nên sẽ bị ngập lụt nặng nếu nước biển tiếp tục dâng. Kịch bản biến đổi khí hậu cảnh báo, nếu mực nước biển dâng cao 1m thì 37,8% diện tích vùng bị ngập lụt (Bộ Tài Nguyên và Môi trường, 2009, tr. 23, 26 và 33), trong đó có 38,29% diện tích đất tự nhiên và 32,16% diện tích đất nông nghiệp bị ngập trong nước biển (theo Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo thích ứng biến đổi khí hậu). Phần lớn các tỉnh chịu nhiều rủi ro đều nằm sát biển, trong đó các tỉnh thuộc phía biển Tây có nguy cơ ngập cao hơn các tỉnh phía biển Đông (xem Hình 1).

Ủy ban Liên Chính phủ về biến đổi khí hậu (Intergovernmental Panel on Climate Change – IPCC) cũng đưa ra cảnh báo rằng nếu nước biển tăng 1m thì hầu hết các khu vực ven biển Đồng bằng sông Cửu Long đều bị nhấn chìm, tương đương với diện tích khoảng $15.116km^2$ (Regional and Sustainable Development Department, 2008). Diễn đàn Bảo tồn Đồng bằng sông Cửu

Long còn chỉ ra rằng biến đổi khí hậu sẽ tác động lên các hệ sinh thái tự nhiên, làm giảm sút tính đa dạng sinh học (chủ yếu tại các khu vực như Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang). Điều này có thể đe dọa đến sinh kế và an ninh lương thực của hàng triệu người, trong đó, những người nghèo và cận nghèo trong vùng sẽ chịu ảnh hưởng

Hình 1. Diện tích đất bị ngập theo kịch bản nước biển dâng 1m tại Đồng bằng sông Cửu Long

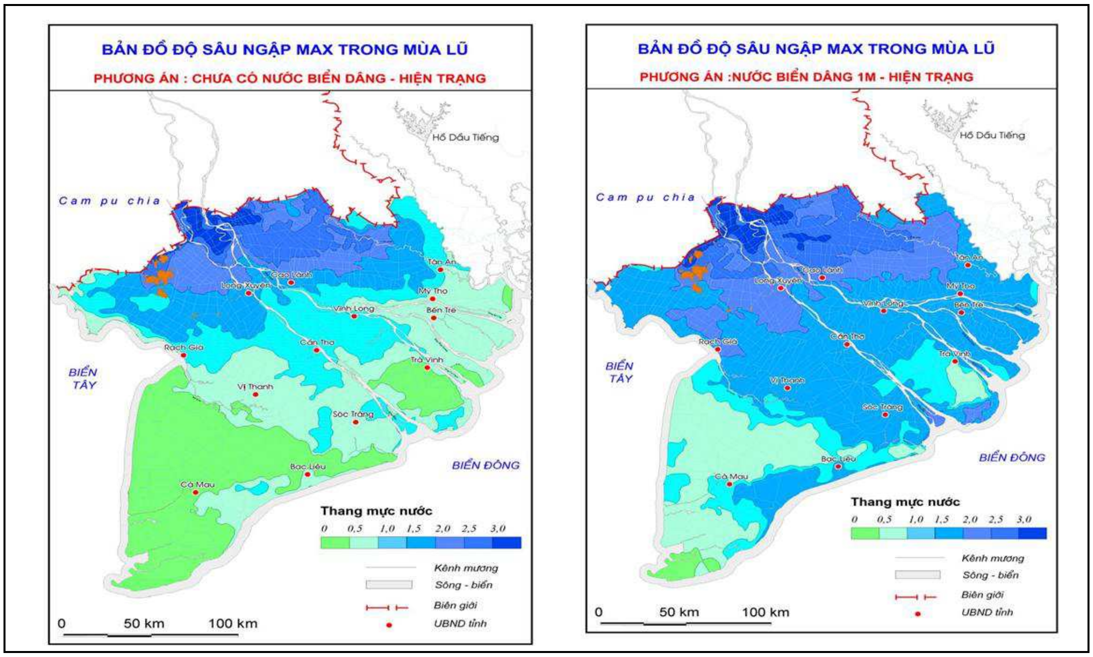

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009.

Bảng 1. Tổng hợp thiệt hại do tác động của biến đổi khí hậu đối với một số cây trồng chính

Chỉ tiêu	Dự báo đến 2030		Đến năm 2050	
	Sản lượng (ngàn tấn)	Tỷ lệ (%)	Sản lượng (ngàn tấn)	Tỷ lệ (%)
1. Cây lúa	**-2.031,87**	**-8.37**	**-3.699,97**	**-15,24**
Giảm sản lượng do thiên tai	-65,27	-0,18	- 65,27	-0,18
Giảm sản lượng do suy giảm tiềm năng năng suất	-1.966,6	-8.10	-3.634,7	-14.97
- Lúa đông-xuân	-1.222,8	-7,93	-2.159,3	-14,01
- Lúa hè-thu	-743,8	-8,40	-1.475,4	-16,66
2. Cây bắp	**-500,4**	**-18,71**	**-880,4**	**- 32,91**
3. Cây đậu nành	**- 14,38**	**-3,51**	**-37,01**	**-9,03**

Ghi chú: Sản lượng năm 2008 được đem so sánh để tính % đánh giá tác động của biến đổi khí hậu.

Nguồn: Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu.

Bảng 2. Dự báo thiệt hại sản lượng lúa theo kịch bản về nước biển dâng 1m tại Đồng bằng sông Cửu Long

Tỉnh	Diện tích đất tự nhiên (1.000ha)	Đất tự nhiên bị ngập (1.000 ha)	Ước tính đất nông nghiệp bị ngập (1.000 ha)	Năng suất lúa trung bình (tấn/ha/vụ)	Số vụ/ năm	Sản lượng bị mất (1.000 tấn)	Giá trị bị mất (1.000 tỷ đồng)*
Bến Tre	231,5	113,1	81,7	4,06	2,0	663,7	2.522,0
Long An	449,2	216,9	160,0	4,08	2,0	1.305,3	4.960,3
Trà Vinh	222,6	102,1	83,5	4,43	2,0	739,9	2.811,7
Sóc Trăng	322,3	142,5	116,6	4,93	2,0	1.150,1	4.370,2
Vĩnh Long	147,5	60,6	49,2	4,77	2,0	468,9	1.782,0
Bạc Liêu	252,1	96,2	80,4	4,66	2,0	749,0	2.846,3
Tiền Giang	236,7	78,3	60,1	4,90	2,0	588,5	2.236,3
Kiên Giang	626,9	175,7	112,8	4,61	2,0	1.040,5	3.953,7
Cần Thơ	298,6	75,8	64,6	5,18	2,0	669,6	2.544,5

Ghi chú: (*) Giá lúa được tính là 3.800đ/kg tại thời điểm tháng 12/2009.

Nguồn: Tính toán dựa theo nguồn số liệu của Jeremy Carew-Ried - Trung tâm Quốc tế về quản lý môi trường (ICEM), 2007 và Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009; Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu.

nặng nề nhất, bởi sinh kế của họ chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên (nông nghiệp và đánh bắt thủy-hải sản) (Diễn đàn Bảo tồn Đồng bằng sông Cửu Long, 2010).

Để thấy cụ thể hơn những thiệt hại do nước biển dâng, có thể xem các Bảng 1 và Bảng 2.

2.2. Thực tế trong thời gian qua, tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long đã biểu hiện rõ nét qua sự thay đổi của nhiệt độ, lượng mưa, lượng bão, cường độ bão, mực nước biển và sự thay đổi thời gian giữa các mùa. Trong đó, nghiêm trọng nhất là vấn đề nước biển dâng kéo theo triều cường, lụt và xâm ngập mặn, gây ảnh hưởng đến sinh hoạt, hoạt động kinh tế, và sức khỏe của cộng đồng dân cư. Người dân có thể nhận thấy các biểu hiện này ngay bằng những cảm quan thông thường chứ chưa cần nhờ đến các công cụ đo lường hỗ trợ (xem thêm Nguyễn Ngọc Diễm, 2011).

Theo đánh giá của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu (Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), thiệt hại trong lĩnh vực nông nghiệp do thiên tai ở Việt Nam từ năm 1995 - 2007 chiếm 54% trong tổng thiệt hại GDP, trong khi đây là nguồn sống của trên 70% dân số, do đó tác động đến nông dân nghèo sẽ rất nghiêm trọng và khả năng phục hồi cũng gặp nhiều khó khăn hơn. Đồng bằng sông Cửu Long với hoạt động kinh tế chính là đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản và

sản xuất nông nghiệp - những ngành chịu ảnh hưởng, tác động trực tiếp của thời tiết khí hậu, đã và đang đối mặt với nhiều thiệt hại do thời tiết cực đoan gây ra. Có thể đưa ra vài ví dụ:

Cây ăn trái là một trong những sản phẩm đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng trước sự tác động của biến đổi khí hậu, hoạt động trồng cây ăn trái cũng như năng suất trái cây của vùng bị ảnh hưởng. Cuộc khảo sát tại ba địa bàn của tỉnh Cà Mau năm 2005, gồm thành phố Cà Mau, huyện Cái Nước và huyện Đầm Dơi (do Trung tâm Nghiên cứu Đồng bằng sông Cửu Long, thuộc Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ thực hiện), cho thấy nhiều khu trồng cây trái bị thất thu do nắng nóng; dừa bị chết khô lá do đất nhiễm mặn, cam bị mất nước,… (Phạm Ngọc Đỉnh và nhóm nghiên cứu, 2005). Dưới tác động của biến đổi khí hậu, trong thời gian tới, dự kiến hoạt động sản xuất trái cây của vùng sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng.

Rừng chiếm một diện tích đáng kể tại Đồng bằng sông Cửu Long, nhất là khu vực ven biển. Tuy nhiên, với sự tác động của biến đổi khí hậu, rừng đang có nguy cơ bị thiệt hại nặng: diện tích giảm (do xói lở), một số loài đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoặc đã tuyệt chủng, một số sinh vật lạ xuất hiện, nguy cơ cháy rừng tăng, xuất hiện nhiều loại sâu bệnh, cây nước ngọt bị chết do xâm nhập mặn,… Trong tương lai, nước biển dâng sẽ khiến cho rừng ngập mặn dịch chuyển vào trong cửa sông. Hoặc nếu không thích nghi được, rừng ngập mặn sẽ mất đi. Sự suy thoái rừng ngập mặn sẽ kéo theo nguy cơ xói lở bờ biển, tăng mức độ phá hủy đối với vùng ven biển do bão và sóng biển.

Về cơ sở hạ tầng, theo kết quả đánh giá của Chương trình Quy hoạch môi trường đô thị Việt Nam do Bộ Xây dựng và Ủy ban Châu Âu thực hiện tại 10 tỉnh thành Đồng bằng sông Cửu Long từ năm 2005 - 2010, nhiều đoạn sông do sự di chuyển của tàu thuyền, cùng với hệ thống nhà cửa ven sông và những tác động của dòng chảy lẫn nước dâng kéo dài,… đã khiến cho việc sạt lở thường xuyên diễn ra (UEPP, 2005 - 2010). Còn ở hệ thống đường bộ, các đoạn đường bị ngập lụt thường xuống cấp nhanh, phải đầu tư nhiều kinh phí để duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa. Đó là chưa tính đến những con đường nhỏ nông thôn, tình trạng ngập úng làm hạn chế việc di chuyển, lưu thông của dân cư, gián đoạn việc học hành của trẻ em… Các ghi nhận từ cuộc khảo sát tại cộng đồng ấp Kênh Đào Tây (xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau) cũng cho thấy ở nhiều chỗ, tình trạng đường sá xuống cấp nghiêm trọng do ngập lụt, ảnh hưởng đến sinh hoạt và đi lại của người dân trong cộng đồng (Nguyễn Ngọc Diễm, Phạm Ngọc Đỉnh và nhóm nghiên cứu, 2014)[6].

Nhìn chung, trong các dạng tác động của biến đổi khí hậu đến nơi cư trú của con người mà IPCC đưa ra, gồm lũ và lở đất, bão, chất lượng nước,

nước biển dâng, giá rét, nắng nóng, nguồn nước, hỏa hoạn, lốc tố, ô nhiễm, đảo nhiệt thì Đồng bằng sông Cửu Long phải đối diện với hầu hết các tác động hàng đầu này. Tương tự, với 5 nguy cơ lớn của biến đổi khí hậu, gồm giảm năng suất nông nghiệp, gia tăng tình trạng thiếu nước, gia tăng thời tiết cực đoan, các hệ sinh thái tan vỡ và bệnh tật gia tăng (Nguyễn Thành Vinh và Nguyễn Hữu Tới, 2010), thì Đồng bằng sông Cửu Long cũng đang đối mặt và chưa có các phương án thích ứng bền vững.

3. NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG CÓ SỰ THAM GIA

Mặc dù Đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước mối đe dọa lớn bởi biến đổi khí hậu, nhưng nhận thức của người dân về vấn đề này vẫn còn khá hạn chế. Trong đề tài nghiên cứu *Một số vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường nhằm phát triển vùng Nam Bộ* (thuộc Chương trình CT.09.22 của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ), nhóm nghiên cứu đã khảo sát hoạt động truyền thông tại 2 cộng đồng phường 6 và phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả cho thấy người dân không hiểu, thậm chí chưa nghe nói đến biến đổi khí hậu, mặc dù khi hỏi đến các biểu hiện thời tiết thất thường thì hầu hết cho biết có nhận thấy. Điều này cho thấy công tác truyền thông liên quan đến biến đổi khí hậu ở địa phương còn chưa hiệu quả (Nguyễn Ngọc Diễm, 2011). Theo đó, sự tham gia của cộng đồng là rất cần thiết bởi họ không thể quyết định các vấn đề của cộng đồng khi sự hiểu biết về vấn đề còn hạn chế.

Hai năm sau, một nghiên cứu khác do Nguyễn Ngọc Diễm, Phạm Ngọc Đỉnh và nhóm nghiên cứu thực hiện trong giai đoạn 2013 - 2014 (*Nghiên cứu mô hình truyền thông dựa vào các nhóm công chúng thích ứng biến đổi khí hậu ở ven biển Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu so sánh trường hợp xã Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau)* cho thấy rằng người dân ở các khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu đã có sự quan tâm nhất định đến biến đổi khí hậu, có nhu cầu được thông tin về thực trạng và cách thích ứng. Trong số 60% số người cho biết có xem/nghe tin tức thời sự, thì có đến 74,4% có quan tâm đến các thông tin về thời tiết, khí hậu nói chung. Những khu vực càng dễ bị tổn thương, sinh kế của dân cư gắn liền với biển thì sự quan tâm càng thể hiện rõ hơn (dân cư xã Đất Mũi, Cà Mau có tỷ lệ quan tâm tới thông tin thời tiết, khí hậu cao hơn dân cư xã Hiệp Thạnh, Trà Vinh, tuy tỷ lệ này chưa lớn, 75,7% so với 73%). Dân cư ở khu vực có hoạt động nuôi trồng thủy sản quan tâm đến tin tức tới thời tiết, khí hậu nhiều hơn (33% ở xã Hiệp Thạnh và 9% ở xã Đất Mũi). Ở những cộng đồng dân cư sống gần nhau, có sự tương tác với nhau nhiều, thì mối quan tâm đến bảo vệ môi trường cũng có khuynh hướng cao hơn (10,7% ở xã Hiệp Thạnh và

1,9% ở xã Đất Mũi). Tuy nhiên số người dân có quan tâm đến biến đổi khí hậu như vậy cũng còn thấp so với nguy cơ đang cận kề. Như một đánh giá cũng rút ra từ nghiên cứu trên của Nguyễn Thị Thịnh (2015, tr. 234, 235): "kết quả khảo sát chỉ ra rằng đa số dân cư tại địa bàn khảo sát đều không biết và không hiểu về cụm từ biến đổi khí hậu cũng như thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời họ cũng thể hiện thái độ khá thờ ơ với các dự tính thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, người dân nhận biết rõ các biểu hiện của biến đổi khí hậu trong đời sống thực tế và các tác động của sự thay đổi thời tiết tới cuộc sống của họ, họ cũng đã có những hành vi thích ứng với biến đổi khí hậu. Mặc dù vậy, các hoạt động thích ứng của cư dân trong vùng nghiên cứu đều chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Tất cả những kết quả nghiên cứu trên cho thấy công tác truyền thông về thích ứng với biến đổi khí hậu cho các cộng đồng ven biển ở Đồng bằng sông Cửu Long còn mang lại hiệu quả thấp. Trong thời gian tới chính quyền cần phải tăng cường công tác truyền thông và có các mô hình truyền thông hiệu quả hơn đến các cộng đồng tại đây".

Như vậy, truyền thông cho người dân về biến đổi khí hậu đang trở thành cấp bách, nhưng hiện nay nguồn cung cấp kiến thức chủ yếu cho người dân vẫn chủ yếu là từ truyền hình (98% trên tổng số người có nghe/xem tin tức nói rằng họ chỉ nghe/xem từ truyền hình), kế đó là truyền thanh, mà chủ yếu là loa phát thanh (chiếm 10,5% trên tổng số người có nghe/xem tin tức). Lý do người dân đưa ra là do tính tiện dụng, sống động của hai phương tiện truyền thông này. Báo giấy hầu như không xuất hiện ở địa phương. Trong khi đó, internet, một hình thức truyền thông mang tính hiện đại và gắn với truyền thông phát triển hơn (do các trang báo mạng có chế độ tham gia ý kiến hoặc gửi phản hồi) thì tỷ lệ sử dụng tại cộng đồng rất thấp, chỉ 2%, chủ yếu là ở các gia đình khá giả có máy tính tại nhà và người sử dụng là giới trẻ, đang đi học. Điều này, một mặt, cho thấy người dân có nhu cầu về một hình thức truyền thông sống động, trực quan, dễ hiểu, gần gũi với điều kiện sinh kế của họ; mặt khác, việc tiếp nhận tin tức chủ yếu qua các phương tiện truyền thanh, truyền hình như trên phản ảnh một cách thức truyền thông còn mang nặng tính truyền thống, một chiều. Người dân (khán giả) chỉ có thể chọn lựa trong số các kênh mà truyền hình, hay truyền thanh của gia đình có thể tiếp sóng được. Còn phát thanh địa phương, thì Ban phát thanh của xã "phát gì người dân nghe nấy". Với hình thức truyền thông như vậy, hẳn nhiên tính tương tác và sự tham gia của khán giả cộng đồng rất hạn chế. Những kênh phát sóng rộng (như kênh truyền hình quốc gia, truyền hình cáp) thì thông tin liên quan đến vấn đề thường ở bề rộng, ở mức độ quốc gia và toàn cầu, ít liên quan đến các vấn đề và hiện trạng ở địa phương; đương nhiên các kênh này cũng không thể phản ánh, phân

tích, hay đánh giá các hiện trạng ở cấp địa phương, đặc biệt là ở cấp cộng đồng. Người dân sẽ không hiểu rõ mối liên hệ giữa các hiện tượng thời tiết cực đoan với biến đổi khí hậu và những hậu quả to lớn có thể đến với địa phương mình sau các hiện tượng đó (xem thêm Thúy Bình, 14/12/2007).

Nhóm nghiên cứu đã thử làm một đánh giá về tiềm năng của sự tham gia cộng đồng vào truyền thông nhằm thay đổi cách thức truyền thông một chiều hiện nay, qua các yếu tố như: đặc trưng cố kết cộng đồng, sự chia sẻ của các thành viên cộng đồng về những mối quan tâm chung. Kết quả khảo sát định tính (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và quan sát thực địa) cho thấy, các hộ gia đình có hoạt động kinh tế giống nhau (nuôi tôm, trồng hoa màu,…) thường chia sẻ với nhau các kỹ thuật canh tác, các nguồn cung cấp vật liệu, con giống, cũng như giá cả thị trường,… Ngoài ra, khi có những mối quan tâm giống nhau, các thành viên trong cộng đồng cũng tập hợp thành các câu lạc bộ (như đờn ca tài tử, đánh cờ, đánh cầu lông,…). Như vậy, tiềm năng cho sự tham gia của cộng đồng trong truyền thông là rất lớn.

Căn cứ vào đặc thù chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của các vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới, đồng thời nhìn vào những hạn chế trong hoạt động truyền thông hiện nay, thì Đồng bằng sông Cửu Long cần tiến hành truyền thông về biến đổi khí hậu theo hướng tiếp cận truyền thông đa chiều, trong đó chú trọng truyền thông phát triển có sự tham gia của cộng đồng. Tránh tình trạng hiện nay là cơ cấu phản hồi với các sự kiện khí hậu vẫn phụ thuộc nhiều vào các Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão tại các cấp (Lê Anh Tuấn và cộng sự, 2007, tr. 13).

4. KẾT LUẬN

Biến đổi khí hậu hiện là mối đe dọa ngày càng lớn đối với Đồng bằng sông Cửu Long, Trong khi đó, truyền thông về biến đổi khí hậu hiện vẫn mang tính truyền thống, một chiều, chưa có sự tham gia chủ động từ phía các cộng đồng chịu tác động, nên nhận thức của người dân về các nguy cơ của biến đổi khí hậu và sự thích ứng với hoàn cảnh mới vẫn còn rất hạn chế.

Truyền thông phát triển có sự tham gia là hướng tiếp cận mới trong truyền thông, mang tính đa chiều và lấy cộng đồng làm trung tâm, tập trung vào nguyên tắc trao quyền và vì mục tiêu phát triển cộng đồng. Vì vậy, để mục tiêu thích ứng biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long đạt được hiệu quả, cần phải thiết kế và áp dụng truyền thông có sự tham gia vào các chiến lược và phương tiện truyền thông, để chia sẻ kiến thức và thông tin giữa các bên liên quan trong một bối cảnh sinh thái nông nghiệp cụ thể tại địa phương. Mục tiêu của công tác truyền thông nhằm mang lại cho người dân các cơ hội chọn lựa, nâng cao

khả năng thích ứng và phục hồi nhờ vào những lựa chọn sinh kế đa dạng do thông tin truyền thông mang lại.

Tuy vẫn còn nhiều tranh cãi, hiện nay truyền thông phát triển có sự tham gia đang ngày càng được chú trọng áp dụng trong các chương trình, dự án phát triển, nhất là khi đề cập đến tính bền vững của dự án. Với tính đa dạng của đối tượng tham gia, phát huy quyền của cộng đồng và nhắm tới mục tiêu cộng đồng, truyền thông phát triển có sự tham gia cần tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn nhằm phục vụ sự phát triển bền vững của toàn vùng trong tương lai. ❑

CHÚ THÍCH

(1) Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, và Kiên Giang.

(2) "no participation without communication" (Singhal, 2001, tr. 12)

(3) Các điều hướng dẫn gồm (1) thận trọng lập ra các lựa chọn mục tiêu truyền thông và xây dựng tri thức từng bước một; (2) lựa chọn ngôn ngữ phù hợp với khán giả; (3) thành thật về những điều chưa chắc chắn, nhưng chú trọng chủ yếu vào bằng chứng; (4) nắm bắt các cơ hội của hoàn cảnh; (5) ủng hộ các nguyên tắc phòng tránh; (6) không tránh né các vấn đề đạo đức/công lý; (7) thúc đẩy các cấp chính quyền cao hơn nhằm tạo ra môi trường chính sách có thể khuyến khích hành động tự nguyện và bền vững; (8) tập trung vào những mục tiêu có khả năng thực hiện được cho các nhóm khác nhau; (9) tận dụng cơ hội để đưa vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu vào cùng với các vấn đề khác về môi trường và xã hội; (10) đừng trông chờ vào việc truyền thông có thể tự nó giải quyết các vấn đề hay xung đột; (11) cẩn thận xác định các mục tiêu truyền thông; (12) xác định và mô tả các nhóm khán giả dự kiến; (13) có những người đứng đầu được giao nhiệm vụ và trang bị thông tin đầy đủ; (14) phát triển quan hệ đối tác truyền thông, xác định trung gian thông tin tiềm năng và làm việc với họ; (15) bảo đảm truyền thông không mang tính một chiều; (16) học tập từ các lĩnh vực khác và từ các nghiên cứu đánh giá/hồi cứu về các nỗ lực truyền thông nguy cơ (Climate Change Action Fund, 2000, tr. 8-9).

(4) Các nguyên tắc này gồm (1) hiểu rõ khán giả, (2) thu hút sự chú ý của khán giả, (3) chuyển tải các dữ liệu khoa học thành các kinh nghiệm cụ thể, (4) cảnh giác với tình trạng lạm dụng cảm xúc, (5) chỉ ra sự thiếu chắc chắn của khí hậu và khoa học, (6) thâm nhập vào các bản sắc xã hội và các mối liên hệ, (7) khuyến khích sự tham gia vào nhóm, và (8) thay đổi hành vi dễ dàng hơn (CRED, 2009).

(5) Trong các nghiên cứu truyền thông tham gia, quyền tham gia của cộng đồng được xác định bằng nguyên tắc "phân quyền" (decentralization), trong khi nguyên tắc "dân chủ" (democracy) chưa được đề cập, mặc dù sự phân quyền được hiểu là hướng tới tính dân chủ.

(6) Tương tự, các đánh giá của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu cũng cho thấy biến đổi khí hậu tác động đến hạ tầng nông thôn, đe dọa đời sống, sức khỏe của cộng đồng. Các sự kiện thời tiết cực đoan và thiên tai có thể gây khó khăn cho công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nông thôn. Ô nhiễm môi trường cùng các tác nhân của thời tiết có thể ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sinh hoạt; nguồn nước sinh hoạt có thể bị thu hẹp do tình trạng nhiễm mặn. Hệ thống giao thông bị ảnh hưởng và có thể tăng chi phí trong đầu tư xây dựng và bảo trì. Tình trạng nước biển dâng gây ngập úng, làm xói lở và mất đất, có thể tạo ra làn sóng di cư môi trường của các cư dân nông thôn và vùng ven biển

đổ về đô thị. Ngoài ra, cũng cần tính đến tình trạng mất ổn định trong sinh kế và mất an ninh về lương thực có thể xảy ra.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Boafo, S.T.K. 2006. *"Participatory Development Communication: An African perspective"*, trong: Besette, G. (chủ biên). *People, Land and Water – Participatory Development Communication for Natural Resource Management,* Earthscan and IDRC.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2008. *Khung chương trình hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2008 - 2020,* ban hành kèm theo Quyết định số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 5/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Cohen, S.I. 1996. "Mobilising Communities for Participation and Empowerment", trong Servaes, J., Jacobson, T.L. và White, S.A. (đồng chủ biên), *Participatory Communication for Social Change",* New Delhi: Sage.

4. Diễn đàn Bảo tồn Đồng bằng sông Cửu Long. 2010. *Các khuyến nghị của Diễn đàn Bảo tồn Đồng bằng sông Cửu Long lần thứ II*, Kiên Giang.

5. Figueroa, M. E. và cộng sự. 2002. *Communication for Social Change: An integrated Model for Measuring the Process and its Outcomes*, The Communication for Social Change Working Paper Series: Số 1, The Rockefeller Foundation, Johns Hopkins University's Center for Communication Programs for the Rockefeller Foundation.

6. Genilo, J. W. 2006. "Community-Based Communication: A New Approach to Development Communication", *Sixth Annual ASIA Fellows Conference*, Asian Scholarship Foundation, Bangkok, Thailand.

7. K.V. 2014. Phát huy thế mạnh sản xuất nông nghiệp của Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí *Cộng sản*, ngày 19/11/2014. http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/Detail.aspx?co_id=10004&cn_id=686018. Truy cập ngày 30/11/2014.

8. Lê Anh Tuấn, Trần Thị Triệu, Nguyễn Hiếu Trung. 2007. *Adaptation to flood in the Mekong Delta, http://www.marecentre.nl/people_and_the_sea_5/documents/TranThiTrieu.pdf.* Truy cập ngày 4/6/2012.

9. Morris, N. 2005. "The Diffusion and Participatory Models: A Comparative Analysis", trong Buenos Aires (chủ biên), *Media and Glocal Change: Rethinking Communication for Development*, Argentina: CLACSO.

10. Nguyễn Ngọc Diễm. 2011. *Một số vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững vùng Nam Bộ,* Đề tài cấp Bộ CT2009.22.04 thuộc Chương trình CT2009.22. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

11. Nguyễn Ngọc Diễm, Phạm Ngọc Đỉnh và nhóm nghiên cứu. 2014. *Nghiên cứu mô hình truyền thông dựa vào các nhóm công chúng thích ứng biến đổi khí hậu ở ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (Nghiên cứu trường hợp xã Hiệp Thạnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau),* Kết quả khảo sát giai đoạn 1/2013 và giai đoạn 2/2014, Đề tài cấp Bộ 2013 - 2014 do Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.

12. Nguyễn Thành Vinh và Nguyễn Hữu Tới. 2010. "Tác động của biến đổi khí hậu đến quy

hoạch các vùng dân cư và các công trình ở vùng biển Việt Nam”, *Tạp chí Người Xây dựng*, số 12/2010.

13. Nguyễn Thị Thịnh. 2015. *Đánh giá hiệu quả truyền thông thích ứng biến đổi khí hậu tại các cộng đồng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long*. Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM), số 9+10(205+206)2015.

14. Phạm Ngọc Đỉnh và nhóm nghiên cứu. 2005. *Sự chuyển dịch sản xuất nông nghiệp sang sản xuất thủy sản và vấn đề xã hội đặt ra: đề xuất giải pháp phát triển bền vững,* kết quả khảo sát, Đề tài cấp tỉnh - tỉnh Cà Mau.

15. Rahim, S.A. 1994. “Participatory Development Communication as a Dialogical process”, trong White, A.S., Nair, K.S. & Ascroft, J. (đồng chủ biên), *Participatory Communication: Working for Change and Development*, New Delhi: Sage.

16. Regional and Sustainable Development Department. 2008. *ADB’s Adaptation Program: Poverty Implications and Emerging Responses,* ADB.

17. Rogers, E. M. và D. L. Kincaid. 1981. *Communication Networks: Toward a New Paradigm for Research,* New York: Free Press.

18. Rose, C. và cộng sự. 2005. *Climate Change Communications – Dipping a Toe into Public motivation*, trên trang http://www.campaignstrategy.org/valuesvoters/climatechangecommunications.pdf. Truy cập ngày 27/3/2012.

19. Singhal, A. 2001. *Facilitating Community Participation Through Communication,* New York: Programme Division, UNICEF.

20. Thúy Bình. 2007. *Khoảng trống truyền thông về biến đổi khí hậu*, Trung tâm Con người và Thiên nhiên, trên trang http://www.thiennhien.net/2007/12/14/khoang-trong-truyen-thong-ve-bien-doi-khi-hau/. Truy cập ngày 13/12/201.

21. UEPP (2005 - 2010). *Chương trình quy hoạch môi trường đô thị Việt Nam tại Đồng bằng sông Cửu Long: các đánh giá dự án tài trợ nhỏ tại 10 tỉnh thành Đồng bằng sông Cửu Long,* do Bộ Xây dựng và Ủy ban Châu Âu thực hiện.

22. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo thích ứng với biến đổi khí hậu. *Tác động của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp,* trên trang http://biendoikhihau.cantho.gov.vn/download/?type=document&id=116. Truy cập ngày 30/11/2014.